

Ngày thi: 26/11/2013

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		30						55	100			
1	162223359	HÀ TUẤN	ANH	K16XDC1	6		6						V	0.0	Không		
2	162223360	NGUYỄN TÂN	BÌNH	K16XDC1	6		7						3	0.0	Không		
3	162223362	TRƯƠNG QUANG	CHIÊN	K16XDC1	7		6						3	0.0	Không		
4	162223365	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	K16XDC1	6.5		6						4	5.0	Năm		
5	162223367	PHẠM ANH	ĐỨC	K16XDC1	7.5		7						2	0.0	Không		
6	162223372	HỒ XUÂN	HẢI	K16XDC1	7		6						2.5	0.0	Không		
7	162223373	TRƯƠNG QUANG	HẠN	K16XDC1	7		6						V	0.0	Không		
8	162223376	LÊ CÔNG VƯƠNG	HẦU	K16XDC1	7.5		6.5						3	0.0	Không		
9	162223378	HỒ TRUNG	HIẾU	K16XDC1	6.5		6.5						6.5	6.5	Sáu phẩy Năm		
10	162223380	PHẠM TRUNG	HIẾU	K16XDC1	7		6						V	0.0	Không		
11	162223388	TRƯƠNG QUANG	HÙNG	K16XDC1	10		7						3	0.0	Không		
12	162223389	LÊ CÔNG	HƯNG	K16XDC1	10		6.5						4.5	5.9	Năm phẩy Chín		
13	162223393	TRỊNH DUY	KHANH	K16XDC1	7.5		6.5						3	0.0	Không		
14	162223398	PHAN HOÀNG	LỘC	K16XDC1	7		6						6	6.2	Sáu phẩy Hai		
15	162223400	NGUYỄN BẢO	LONG	K16XDC1	10		7.5						3	0.0	Không		
16	162223402	NGUYỄN ĐÌNH MINH	NGHĨA	K16XDC1	10		6.5						4	5.7	Năm phẩy Bảy		
17	162223403	LÊ DUY	NGỌC	K16XDC1	8		7.5						6	6.8	Sáu phẩy Tám		
18	162223406	PHẠM VĂN	SƠN	K16XDC1	7		6						3	0.0	Không		
19	162223409	PHAN BÁ	THÁI	K16XDC1	7		6						5	5.6	Năm phẩy Sáu		
20	162223413	LÊ VĂN	THUẬN	K16XDC1	8		7						7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn		
21	162223415	NGUYỄN ANH	TIẾN	K16XDC1	7		6						3	0.0	Không		
22	162223417	LÊ VĂN	TRỌNG	K16XDC1	7		6						5.5	5.9	Năm phẩy Chín		
23	162223419	LÊ HỮU	TRƯỜNG	K16XDC1	8		6.5						2	0.0	Không		
24	162223423	ĐẶNG THUY	TUYÊN	K16XDC1	8		7						6.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
25	162223425	BÙI TÂN	VIỆT	K16XDC1	10		8						5.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
26	162223428	NGUYỄN THÀNH	VINH	K16XDC1	7		6						7	6.7	Sáu phẩy Bảy		
27	162223432	TRƯƠNG VĂN	VŨ	K16XDC1	10		6.5						2.5	0.0	Không		
28	162223433	ĐẶNG HOÀNG DUY	VƯƠNG	K16XDC1	7		6						V	0.0	Không		
29	162226432	CAO TRUNG	HIẾU	K16XDC1	7.5		6						V	0.0	Không		
30	162226635	TRẦN KHẮC	KHÁNH	K16XDC1	7.5		7						V	0.0	Không		
31	162226637	HOÀNG ĐỨC	TUẤN	K16XDC1	6		6						3	0.0	Không		
32	162226923	TĂNG THỊ XUÂN	THẢO	K16XDC1	7		6						5.5	5.9	Năm phẩy Chín		
33	162227420	NGUYỄN ĐỨC	TÙNG	K16XDC1	8		6.5						3	0.0	Không		
34	162263676	LÊ VĂN	HOÀN	K16XDC1	7		6						6	6.2	Sáu phẩy Hai		
35	162123065	TRẦN THÁI	QUANG	K16XDC2	7.5		5						V	0.0	Không		
36	162223358	VÕ TUẤN	ANH	K16XDC2	7		6						V	0.0	Không		
37	162223361	ĐINH VŨ	CHÁNH	K16XDC2	6		5						3	0.0	Không		
38	162223364	NGUYỄN HỒ	CƯỜNG	K16XDC2	6.5		7						3	0.0	Không		
39	162223366	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	K16XDC2	7		7						6	6.5	Sáu phẩy Năm		
40	162223368	NGUYỄN ĐĂNG	DŨNG	K16XDC2	6		6						V	0.0	Không		

Ngày thi: 26/11/2013

LẦN THI

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		30						55	100			
41	162223375	TRẦN HẢI	HÀO	K16XDC2	3		3						V	0.0	Không		
42	162223377	PHAN THANH	HIỀN	K16XDC2	3		3						V	0.0	Không		
43	162223381	ĐẶNG CÔNG	HIẾU	K16XDC2	3		3						V	0.0	Không		
44	162223382	TRẦN ĐÌNH	HOÀN	K16XDC2	6		5.5						V	0.0	Không		
45	162223384	NGUYỄN TRÍ KHÁNH	HOÀNG	K16XDC2	7		6.5						7	6.9	Sáu phẩy Chín		
46	162223386	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	K16XDC2	3		3						V	0.0	Không		
47	162223391	NGÔ QUANG	HƯNG	K16XDC2	6.5		6.5						5	5.7	Năm phẩy Bảy		
48	162223395	LÊ ĐỨC	KHÔI	K16XDC2	6.5		6.5						5.5	6.0	Sáu		
49	162223396	NGUYỄN HỒNG	LÊ	K16XDC2	6		6						V	0.0	Không		
50	162223397	NGUYỄN VĂN	LINH	K16XDC2	6		6						V	0.0	Không		
51	162223399	ĐỖ HOÀNG	LONG	K16XDC2	6.5		6						3	0.0	Không		
52	162223408	NGUYỄN ĐÌNH	TÂN	K16XDC2	7		6.5						V	0.0	Không		
53	162223410	NGUYỄN VĂN	THÀNH	K16XDC2	3		3						V	0.0	Không		
54	162223412	LÊ VIỆT	THIỆN	K16XDC2	6		5.5						V	0.0	Không		
55	162223414	HUỖNH XUÂN	THƯỜNG	K16XDC2	3		3						V	0.0	Không		
56	162223416	LÊ VĂN	TÔI	K16XDC2	5		5						V	0.0	Không		
57	162223418	QUÁN THÀNH	TRUNG	K16XDC2	7		6						3	0.0	Không		
58	162223420	TRẦN QUÝ	TÚ	K16XDC2	3		3						V	0.0	Không		
59	162223424	ĐỖ TRUNG	TUYẾN	K16XDC2	6.5		6						V	0.0	Không		
60	162223426	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	K16XDC2	6.5		6						3	0.0	Không		
61	162223430	TRẦN ANH	VŨ	K16XDC2	3		3						V	0.0	Không		
62	162223431	VƯƠNG	VŨ	K16XDC2	8		6						3	0.0	Không		
63	162226431	NGUYỄN VĂN	HẢI	K16XDC2	5		5						V	0.0	Không		
64	162227086	HOÀNG NHƯ	NGỌC	K16XDC2	5.5		5						V	0.0	Không		
65	162227671	PHẠM HÒA	LỘC	K16XDC2	5		5						V	0.0	Không		
66	142221368	NGUYỄN ANH	TUẤN	K16XDC2	5		5						V	0.0	Không		
1	6201	PHẠM TRIỆU	THANH	K15XDC	5		5						5	5.0	Năm		
2	4768	HUỖNH ANH	VINH	K13XDC	5		5						5	5.0	Năm		
3	2755	LƯU VĂN	TRAI	K15XDC	5		5						5	5.0	Năm		
4	2770	TRƯƠNG VĂN	TUẤN	K15XDC	5		5						5	5.0	Năm		
5	4724	NGÔ QUỐC	HOÀN	K13XDC	5		5						5	5.0	Năm		
6	2788	LÊ VĂN	DŨNG	K15XDC	8		7						5	6.1	Sáu phẩy Một		
7	4798	LÊ VĂN	THÀNH	K15XDC	6		6						5	5.5	Năm phẩy Năm		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	25	34%	
2	Số sinh viên nợ	48	66%	
TỔNG CỘNG :		73	100%	

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 12 năm 2013
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
				15		30							55		100

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tâm

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Ân